

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**  
Bản án số: 103/2021/HNGĐ- ST  
Ngày: 16-9-2021  
V/v Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lập Tiến và bà Nguyễn Thị Tạc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2021/QĐHPT ngày 08 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc dời lịch xét xử số 07/2021/TB-TA ngày 26/7/2021, Thông báo thời gian, địa điểm mở phiên Tòa số 20/2021/TB – HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Châu Thị H, sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 192/3/26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 126/57/9 Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị H trình bày:*

Bà Châu Thị H và ông Nguyễn Công K tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và sống chung từ tháng 4 năm 1986, đến ngày 07/4/1989 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, nhiều năm nay không quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên bà H có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Công K.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà H và ông K có 02 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và Nguyễn Anh Q, sinh năm 1989, các con chung đã thành niên và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021 bị đơn ông Nguyễn Công K:* thừa nhận ông và bà Châu Thị H chung sống từ tháng 4/1986, không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống đến năm 1990 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà H chơi huê, hội, võ nọ, mặc dù đã được gia đình khuyên ngăn nhưng bà H không thay đổi làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, và bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2020, Do bức xúc chuyện gia đình ông K có ký đơn thuận tình ly hôn nhưng nay ông không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng xin được đoàn tụ để xây dựng gia đình.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà H và ông K có 02 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và Nguyễn Anh Q, sinh năm 1989, các con chung đã thành niên và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông K vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:***

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị H được ly hôn ông Nguyễn Công K.

Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và Nguyễn Anh Q, sinh năm 1989, các con chung đã thành niên và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Nguyễn Công K cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Châu Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Công K vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị H là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Châu Thị H xin ly hôn ông Nguyễn Công K. Hội đồng xét xử xét thấy: bà H và ông K tự nguyện chung sống từ năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào ngày 07/4/1989, mặc dù ông K cho rằng chữ ký trong giấy chứng nhận kết hôn không phải chữ ký của ông nhưng qua kết quả xác minh tại UBND phường T xác định Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Châu Thị H và ông Nguyễn Công K ngày 07/4/1989, số 77, quyển số 01 là do UBND phường T cấp, mặt khác cả ông K, bà H đều xác định ông bà chung sống từ tháng 4/1986 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; theo bà H trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã lâu nhưng vẫn không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H có nguyện vọng xin được ly hôn với ông K, bị đơn ông Nguyễn Công K cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 1990 và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà H đã bỏ nhà đi từ năm 2020 nhưng ông không đồng ý ly hôn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành xác minh và tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông K cố tình vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng để hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Năm 2005 vợ chồng bà H, ông K, sinh sống tại 126/37/9 Đường Y, TDP6A, P. T, thành phố B, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được, vợ chồng bà H, ông K đã sống ly thân từ tháng 11/2020.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông K, bà H đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Công K của bà Châu Thị H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và Nguyễn Anh Q, sinh năm 1989, các con chung đã thành niên và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp cần chấp nhận.

-Về tài sản chung: Bà H, và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Châu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Công K không phải chịu án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị H được ly hôn ông Nguyễn Công K.

Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và Nguyễn Anh Q, sinh năm 1989, các con chung đã thành niên và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013419 ngày 26/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Công K không phải chịu tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- UBND P. T;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

